

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 28/02/2018.

V/v tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Hiệp Phong.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Xuyên.

Ông Ngô Văn Mừng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông Tôn Văn Xuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 596/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thanh N1, sinh năm 1986; (có đơn xin vắng mặt).

Thường trú: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Số 715, ấp H, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Ngô Văn N2, sinh năm 1991; (vắng mặt).

Cư trú: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thanh N1 trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông N2 đám cưới năm 2003, hôn nhân do hai người quen biết tìm hiểu và được ba mẹ hai bên đồng ý cho tiến tới hôn nhân. Hai người không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và sống hạnh phúc

đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn lý do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không còn sống chung từ năm 2016 đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm giữa hai người không thể hàn gắn. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Văn N2.

Về con chung: Có 01 con chung tên Ngô Văn T, sinh ngày 18 tháng 05 năm 2004. Hiện nay, cháu T do ông N2 nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà đồng ý để ông N2 tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Ngô Văn N2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị N1 và anh N2 cưới nhau vào năm 2003, không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau nên đã ly thân đến nay. Vì chị N1 và anh N2 không đăng ký kết hôn nên căn cứ vào Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị N1 và anh N2 là vợ chồng

Về con chung: Có 01 con chung tên Ngô Văn T, sinh ngày 18 tháng 05 năm 2004. Hiện nay, cháu T do anh N2 nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị N1 đồng ý để anh N2 tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, chị N1 không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện tại cháu T đang sinh sống với anh N2 phát triển bình thường và nguyện vọng của cháu muốn được sống với anh N2. Để đảm bảo cháu T có điều kiện phát triển và ổn định cuộc sống, nghĩ nên để anh N2 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị N1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà N1 khởi kiện ông N2, ông N2 có nơi cư trú ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà N1 có đơn xin vắng mặt, ông N2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Bà N1 và ông N2 có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2003. Ông, bà có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng”. Xét, không công nhận bà N1 và ông N2 là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Bà N1 đồng ý để ông N2 tiếp tục nuôi con chung là cháu Ngô Văn T, sinh ngày 18 tháng 05 năm 2004. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hiện nay cháu T đã sống ổn định với ông N2, ông N2 cũng không có ý kiến phản đối việc bà N1 đồng ý để ông nuôi dưỡng cháu T, Tòa án cũng đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu T, nguyện vọng của cháu muốn sống với cha. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu T cho ông N2 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, bà N1 không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con; ông N2 không gửi ý kiến đến Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu ông N2 có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con sẽ được xem xét bằng vụ án khác.

[5]. Về tài sản chung: Bà N1 xác định không có, nên không đề cập giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Bà N1 xác định không có, nên không đề cập giải quyết.

Ghi nhận bà N1 xác định hai người không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của hai người trong thời kỳ hôn nhân thì bà N1 và ông N2 vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Bà N1 phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 28, 35, 39, 228, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thanh N1 và ông Ngô Văn N2 là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Ông Ngô Văn N2 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Ngô Văn T, sinh ngày 18 tháng 05 năm 2004. Hiện cháu T đang được ông N2 chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông N2 cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà N1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Không có, không đề cập giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Không có, không đề cập giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà Trần Thanh N1 phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai số 0018886 ngày 15/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Bà Trần Thanh N1, ông Ngô Văn N2 có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã Nhon Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Lại Hiệp Phong

